

Bản án số: 57/2025/HS-PT
Ngày: 16-4-2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trương Ngọc Hồng**

Các Thẩm phán: Ông **Vũ Thế Mạnh**

Bà **Nguyễn Diệu Hiền**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Hoàng Minh Hiếu** - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa:
Bà **Huỳnh Thị Cẩm Loan** - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 14 và 16 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 18/2025/TLPT-HS ngày 19 tháng 02 năm 2025 đối với bị cáo Trần Thanh Liêm và đồng phạm do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 01/2025/HS-ST ngày 07 tháng 01 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh K.

- Bị cáo có kháng cáo:

1. **Trần Thanh L**, sinh ngày 29/12/1970 tại K; Nơi Đăng ký thường trú: Số 28 đường L, phường A, thành phố R, tỉnh K; Cư trú: Lô 33 căn 10, đường Số 2, Khu dân cư A, phường A, thành phố R, tỉnh K; giới tính: Nam; nghề nghiệp: Công chức; trình độ học vấn: 12/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Trần Quang P (đã chết) và bà Nguyễn Thị Q (đã chết); vợ Vương Kim H; con có 02 người, lớn sinh năm 1997, nhỏ sinh năm 2006; tiền án, tiền sự: Không.

Về nhân thân: Bị cáo L là Đảng viên Đảng cộng sản Việt Nam sinh hoạt đảng tại Chi bộ Thanh tra thuộc Đảng bộ Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh K (đang bị đình chỉ sinh hoạt đảng); có cha ruột là ông Dương Văn T2 là liệt sĩ.

Bị cáo bị bắt, tạm giữ tạm giam từ ngày 13/7/2024 đến ngày 12/11/2024

cho bảo lãnh tại ngoại (Bị cáo có mặt tại phiên tòa).

2. **Nguyễn Thái N** (tên gọi khác Long), sinh ngày 19/10/1986 tại K; Nơi cư trú: ấp 9 Chợ, xã Đ, huyện A, tỉnh K; giới tính: Nam; nghề nghiệp: Làm biển; trình độ học vấn: 10/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Nguyễn Thanh L và bà Ngô Thị X; vợ Phạm Thị Kiều O; con có 02 người sinh năm 2010 và năm 2024; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 13/7/2024 đến ngày 10/10/2024 cho bảo lãnh tại ngoại (Bị cáo có mặt tại phiên tòa).

- *Người bào chữa cho bị cáo Trần Thanh L:* Luật sư **Nguyễn Trường T** - Văn phòng luật sư Đ, thuộc Đoàn luật sư Thành phố C.

Ngoài ra, trong vụ án còn có 10 bị cáo không có kháng cáo, không bị kháng nghị nên Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Từ giữa năm 2023, trên vùng biển thuộc huyện A, tỉnh K có nhiều nguồn lợi thủy sản đặc biệt là con lùa xuất hiện nhiều cũng là thời điểm nhiều người dân ở các địa phương khác nhau tập trung về đây khai thác. Đồng thời kể từ đây nhiều nhóm xuất hiện tranh giành địa bàn khai thác, mua bán, bao chiếm mặt nước biển dẫn đến mâu thuẫn đánh nhau làm tình hình an ninh trật tự trên địa bàn huyện A, tỉnh K rất phức tạp, trong đó nổi lên nhóm đối tượng hoạt động phạm tội do Phạm Minh Q cầm đầu.

Quá trình mở rộng điều tra xác định ngoài hành vi phạm tội “Gây rối trật tự công cộng” đã khởi tố Phạm Minh Q và những đồng phạm khác còn thực hiện hành vi Đưa hối lộ, Môi giới hối lộ và Nhận hối lộ cụ thể như sau:

Hàng năm Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh K có văn bản quy định cấm đánh bắt nhuyễn thể hai mảnh vỏ từ tháng 06 đến tháng 12 hàng năm. Trong thời gian này lực lượng Kiểm ngư tỉnh K, lực lượng Biên phòng tỉnh K và nhiều lực lượng chức năng khác sẽ tổ chức tuần tra, kiểm soát thường xuyên tại vùng biển thuộc tỉnh K. Đồng thời Thanh tra Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sẽ kiểm tra trực tiếp tại các bến bãi lên hàng thu mua con lùa trên địa bàn các huyện ven biển nếu chưa đạt kích thước khai thác sẽ cấm đánh bắt. Quá trình mua bán và hoạt động trên vùng biển huyện A, tỉnh K, Phạm Minh Q quen biết với Nguyễn Thái N (tên thường gọi là Long) làm nghề cào lùa tại huyện K, tỉnh K. Thông qua nhiều lần mua bán và nói chuyện làm ăn qua lại qua lời giới

thiệt của N, Q biết N có mối quan hệ quen biết với Trần Thanh L là Thanh tra viên công tác tại Sở Nông Nghiệp và Phát triển nông thôn nên đã nhờ N làm trung gian kết nối tạo mối quan hệ với L nhằm mục đích lợi dụng sự ảnh hưởng của L để biết được lịch tuần tra của lực lượng Kiểm ngư có xuống vùng biển huyện A hay không và tác động với lực lượng Kiểm ngư kết thúc tuần tra trên vùng biển huyện A, tỉnh K tạo điều kiện thuận lợi để các ghe cào lua hoạt động theo sự kiểm soát của Q được hoạt động khai thác con lua trái quy định bán lại cho Q.

Vào đầu tháng 12 năm 2023 do bị lực lượng Kiểm ngư tuần tra liên tục không cho phép các ghe cào lua khai thác nên lúc này Q gặp N tại quán cà phê Cây Bàng địa chỉ ấp X, xã T, huyện A. Tại đây, N nói với Q là có một người quen có thể tác động với lực lượng Kiểm ngư hạn chế tuần tra ở vùng biển đang khai thác, có thể biết được lịch trình tuần tra, di chuyển của các tàu Kiểm ngư có thể giúp việc khai thác con lua trái phép nên ngỏ ý rủ Q lên hẹn gặp L để ngỏ ý nhờ giúp đỡ của L. Mục đích thông qua L để biết được lịch tuần tra của lực lượng Kiểm ngư và tác động đến lực lượng Kiểm ngư hạn chế tuần tra trên vùng biển huyện A, hoặc tuần tra trái vùng để các ghe cào lua được khai thác trái phép thì Q đồng ý. Sau khi N điện thoại cho L nói chuyện Q nhờ vả thì L đồng ý hẹn gặp tại quán cà phê TH thuộc phường A, thành phố R. Lúc này, Q hỏi N “đưa cho ông L bao nhiêu tiền?” thì N nói “mày muốn gửi cho ông bao nhiêu thì gửi 10.000.000 đồng hoặc 20.000.000 đồng gì cũng được”, thì Q chuẩn bị số tiền 30.000.000 đồng trong đó bỏ vào phong bì 20.000.000 đồng và mang theo 10.000.000 đồng để ăn uống, nhậu nhẹt. Sau đó, Q thuê xe ô tô 4 chỗ cùng với N và Thái Quốc Tịnh lên quán cà phê TH ở phường A, thành phố R để gặp L. Khi đi lên đến quán cà phê TH thì Tịnh đi hút tót và thăm bệnh ở Bệnh viện còn Q, N lên tầng 1 của quán gặp L đã chờ sẵn. Tại đây, Q và N vào ngồi cùng bàn với L, N trực tiếp nói chuyện với L việc Q muốn nhờ để biết được lịch tuần tra của lực lượng Kiểm ngư và tác động đến lực lượng Kiểm ngư hạn chế tuần tra trên vùng biển huyện A để các ghe cào lua được khai thác trái phép, ngồi nói chuyện khoảng 15 phút thì L đồng ý và từ giã ra về. Lúc này, Q lấy trong túi ra 01 phong bì bên trong có chứa 20.000.000 đồng đưa cho N đưa cho L. Sau đó N mời L đi nhậu nhưng L từ chối không đi nên N và Q đi nhậu cùng với Phạm Thành Lập là cán bộ tàu Kiểm ngư 01 thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh K.

Sau đó, đến khoảng cuối tháng 12 năm 2023, L điện thoại cho Q trao đổi về việc muốn Q đồng ý cho Nguyễn Tấn D là anh vợ bà con (vợ trước) của L được sử dụng 02 tàu cào lùa của D đánh bắt tại vùng biển huyện A và 02 tàu của D sẽ tuân theo quy luật của Q là phải bán toàn bộ hải sản đánh bắt được cho Q. Tuy nhiên trong ngày 02 tàu biển của D đánh bắt tại vùng biển thuộc huyện A đến ngày thứ hai thì có lực lượng Kiểm ngư tuần tra tại đây nên tất cả các tàu được Q cho phép đánh bắt con lùa tại vùng biển này phải ngừng việc đánh bắt. Lúc này, D điện cho Q hỏi tình hình trên biển và ngỏ ý với Q sẽ liên hệ với người có thẩm quyền cụ thể là L có thể chi phối lực lượng kiểm ngư rời khỏi vùng biển này thì mỗi ngày phải đưa cho L 10.000.000 đồng. Khoảng 01 giờ đồng hồ sau, D thông báo lịch tuần tra của Kiểm ngư 02 ngày là 20.000.000 đồng thì Q đồng ý chuyển 20.000.000 đồng để đưa cho L. Sau đó D về K gặp và đưa cho L 10.000.000 đồng còn lại 10.000.000 đồng D mượn của L để sửa máy, hiện số tiền này D đã giao nộp lại cho Cơ quan điều tra. Đến ngày 18/01/2024, lực lượng Kiểm ngư tiếp tục tuần tra trên vùng biển huyện A, các ghe cào lùa không thể cào được nên Q tiếp tục điện cho D nhờ L để lực lượng Kiểm ngư kết thúc tuần tra tại vùng biển huyện A, thì D thông qua L cho biết lịch tuần tra của Kiểm ngư là 03 ngày và yêu cầu Q chuyển số tiền 30.000.000 đồng thì Q đồng ý chuyển vào số tài khoản của D 30.000.000 đồng thì lực lượng Kiểm ngư rút đi để các tàu được Q cho phép khai thác con lùa.

Sau khi nhận tiền D nhắn tin thông báo cho L biết và đến cửa hàng điện thoại di động Thúy Vy của bà Nguyễn Thị Tường O sử dụng dịch vụ chuyển tiền của bà O chuyển vào số tài khoản của L 30.000.000 đồng.

Tại Cơ quan điều tra, L khai nhận thông qua N và D nhận tiền 03 lần tổng cộng 55.000.000 đồng; lần thứ nhất tại quán cà phê TH nhận 15.000.000 đồng; lần thứ hai nhận từ D 10.000.000 đồng và lần thứ ba nhận từ chuyển khoản số tiền 30.000.000 đồng và chủ động nộp lại số tiền trên.

** Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 01/2025/HS-ST ngày 07 tháng 01 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh K, đã Q định:*

Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 354, điểm s, v, x khoản 1 và khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54, Điều 38 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Trần Thanh L 02 (hai) năm tù về tội Nhận hối lộ. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính kể từ ngày bị cáo chấp hành án, khấu trừ thời gian bị tạm giam từ ngày 13/7/2024 đến ngày 12/11/2024.

Về hình phạt bổ sung: Cấm bị cáo đảm nhiệm chức vụ, công việc liên quan đến lĩnh vực thanh tra trong thời hạn 02 (hai) năm kể từ ngày chấp hành xong bản án.

Áp dụng khoản 1 Điều 365, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Thái N từ 06 (sáu) tháng tù về tội Môi giới hối lộ. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính kể từ ngày bị cáo chấp hành án, khấu trừ thời gian bị tạm giam từ ngày 13/7/2024 đến ngày 10/10/2024.

Ngoài ra bản án còn tuyên hình phạt của các bị cáo khác, xử lý vật chứng, án phí và thời hạn kháng cáo.

* Sau khi xét xử sơ thẩm. Ngày 08 và 14/01/2025, các bị cáo Nguyễn Thái N và Trần Thanh L có đơn kháng cáo xin được hưởng án treo.

*** Tại phiên tòa phúc thẩm:**

Bị cáo Nguyễn Thái N thừa nhận cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo về tội “Môi giới hối lộ” theo khoản 1 Điều 365 Bộ luật hình sự là đúng tội. Bị cáo Trần Thanh L thừa nhận cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo về tội “Nhận hối lộ” theo khoản 2 Điều 354 Bộ luật hình sự là đúng tội; bị cáo N và L giữ nguyên kháng cáo xin hưởng án treo.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh K phát biểu quan điểm giải quyết vụ án như sau: Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo N về tội “Môi giới hối lộ” theo khoản 1 Điều 365 Bộ luật hình sự và bị cáo Trần Thanh L về tội “Nhận hối lộ” theo khoản 2 Điều 354 Bộ luật hình sự là đúng quy định của pháp luật.

Về hình phạt, cấp sơ thẩm đã áp dụng các tình tiết giảm nhẹ xử phạt bị cáo N 06 tháng tù, bị cáo L 02 năm tù là tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo. Các bị cáo L, N kháng cáo nhưng không cung cấp thêm tình tiết giảm nhẹ nào mới nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo; giữ nguyên bản án sơ thẩm đã tuyên. Các Q định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Luật sư Nguyễn Trường T bào chữa cho bị cáo Trần Thanh L trình bày quan điểm: Quá trình công tác của bị cáo có nhiều thành tích xuất sắc, nhân thân tốt; có nhiều tình tiết giảm nhẹ. Tại cấp phúc thẩm, bị cáo có cung cấp tình tiết giảm nhẹ mới là Bằng khen của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam, Ủy ban nhân dân tỉnh K; anh ruột được tặng Kỷ niệm chương; gia đình có công cách mạng; nộp xong án phí hình sự sơ thẩm. Bị cáo đã tự nguyện khắc phục hậu quả, nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ mới

quy định tại điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự mà cấp sơ thẩm chưa áp dụng. Như vậy bị cáo có 05 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nên xử phạt bị cáo mức án nhẹ hơn. Bị cáo phạm tội diễn ra cùng một hành vi đáng lý áp dụng tình tiết tăng nặng quy định tại Điều 52 Bộ luật hình sự, chứ không phải tình tiết định khung phạm tội 02 lần trở lên quy định điểm đ khoản 2 Điều 354 Bộ luật hình sự. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét sự khoan hồng đặc biệt áp dụng Điều 65 Bộ luật hình sự, Nghị Q số 02 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao cho bị cáo được hưởng án treo vì bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, chấp hành tốt các quy định tại địa phương, thể hiện sự nhân đạo của pháp luật đối với bị cáo.

Bị cáo L thống nhất phát biểu tranh luận của luật sư bào chữa cho bị cáo. Bị cáo L và bị cáo N không có tranh luận gì thêm.

Lời nói sau cùng của bị cáo L và N xin Hội đồng xét xử cho các bị cáo được hưởng án treo..

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo:

Xét đơn kháng cáo của các bị cáo về nội dung, quyền kháng cáo, thủ tục kháng cáo và thời hạn kháng cáo đã đúng quy định tại Điều 331, 332 và 333 của Bộ luật tố tụng hình sự. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận xem xét giải Q theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về Q định của Bản án sơ thẩm:

Hàng năm Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh K đều có văn bản quy định cấm đánh bắt nhuyễn thể hai mảnh vỏ từ tháng 06 đến tháng 12. Trong thời gian này lực lượng Kiểm ngư, lực lượng Biên phòng tỉnh K và nhiều lực lượng chức năng khác sẽ tổ chức tuần tra, kiểm soát thường xuyên tại vùng biển thuộc tỉnh K nên bị cáo Phạm Minh Q đã nhờ bị cáo Nguyễn Thái N làm trung gian kết nối tạo mối quan hệ với bị cáo Trần Thanh L là Thanh tra viên của Sở Nông nghiệp nhằm mục đích lợi dụng sự ảnh hưởng của L để biết được lịch tuần tra của lực lượng Kiểm ngư có xuống vùng biển huyện A hay không và tác động với lực lượng Kiểm ngư kết thúc tuần tra trên vùng biển huyện A, tạo điều kiện thuận lợi để các ghe cào lùa hoạt động theo sự kiểm soát của Q được hoạt động khai thác con lùa trái quy định và bán lại cho Q. Khi được Q nhờ thì N đồng ý và làm trung gian kết nối giữa Q và L. Riêng N nhận 15.000.000 đồng của Q để đưa cho L. Tổng số tiền L nhận 3 lần là 55.000.000 đồng của Q. Do đó Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh K đã xét xử bị cáo Nguyễn Thái N về tội “Môi giới hối

lộ” theo khoản 1 Điều 365 Bộ luật hình sự và bị cáo Trần Thanh L về tội “Nhận hối lộ” theo khoản 2 Điều 354 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[3] Xét kháng cáo của các bị cáo Trần Thanh L và Nguyễn Thái N xin hưởng án treo.

Xét thấy: Hành vi của bị cáo L đã xâm phạm đến hoạt động đúng đắn của Cơ quan nhà nước, gây ảnh hưởng đến uy tín, niềm tin của nhân dân đối với Cơ quan nhà nước. Bị cáo nhận thức rõ hành vi của mình là vi phạm pháp luật, song vẫn cố ý phạm tội, lợi dụng quyền hạn của mình để nhận tiền của người khác liên quan trực tiếp đến công việc bị cáo đang làm. Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân và đã áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo có thành tích xuất sắc trong công tác được Bộ Thủy sản và Chủ tịch UBND tỉnh K tặng bằng khen; bị cáo là con liệt sỹ; gia đình có công cách mạng; tự nguyện nộp lại số tiền phạm tội mà có theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự là phù hợp.

Đối với số tiền 55.000.000 đồng do bị cáo L phạm tội mà có, theo quy định điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự và điểm b khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự thì bị tịch thu sung vào ngân sách nhà nước. Bị cáo tự nguyện giao nộp lại số tiền này nên cấp sơ thẩm áp dụng tình tiết giảm nhẹ tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự cho bị cáo. Do đó, kháng cáo của bị cáo L và ý kiến của luật sư bào chữa cho bị cáo đề nghị áp dụng tình tiết giảm nhẹ điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự là không có cơ sở. Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, cấp sơ thẩm đã xem xét Q định mức án dưới mức thấp nhất của khung hình phạt liền kề cho bị cáo là có căn cứ. Nên cấp phúc thẩm cần giữ nguyên mức hình phạt 02 năm tù đối với bị cáo. Với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, để tạo niềm tin của nhân dân đối với Cơ quan nhà nước trong việc xử lý sai phạm của cán bộ, công chức và đề răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung nên cần áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với bị cáo. Bị cáo L kháng cáo xin được hưởng án treo là không có cơ sở chấp nhận.

Đối với bị cáo N có hành vi trung gian môi giới để bị cáo L nhận hối lộ của bị cáo Q số tiền 15.000.000 đồng. Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân và đã áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự xử phạt bị cáo 06 tháng tù là đầu khung hình phạt tù là đúng quy định của pháp luật. Bị cáo kháng cáo nhưng không cung cấp thêm

tình tiết giảm nhẹ nào mới nên không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo xin hưởng án treo của bị cáo.

[4] Về quan điểm của đại diện Viện kiểm sát: Quan điểm đề nghị áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự, giữ nguyên bản án sơ thẩm, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về quan điểm của luật sư bào chữa cho bị cáo L: Về các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới là không phù hợp và luật sư đề nghị cho bị cáo L được hưởng án treo là không có cơ sở chấp nhận.

[6] Về án phí: Yêu cầu kháng cáo của hai bị cáo không được chấp nhận nên mỗi bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm là 200.000 đồng.

Về án phí hình sự sơ thẩm: Mỗi bị cáo Trần Thanh L, Nguyễn Thái N đã nộp 200.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0004361 và 0004362 cùng ngày 06/02/2025 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh K.

Các Q định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Vì các lẽ trên,

Q ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ Luật tố tụng hình sự.

Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Trần Thanh L và Nguyễn Thái N; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

2. Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 354, điểm s, v, x khoản 1 và khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54, Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo **Trần Thanh L 02 (hai) năm tù** về tội “Nhận hối lộ”. Thời điểm chấp hành hình phạt tù tính kể từ ngày bị cáo chấp hành án, khấu trừ thời gian bị tạm giam từ ngày 13/7/2024 đến ngày 12/11/2024.

Về hình phạt bổ sung: Cấm bị cáo đảm nhiệm chức vụ, công việc liên quan đến lĩnh vực thanh tra trong thời hạn 02 (hai) năm kể từ ngày chấp hành xong bản án.

3. Áp dụng khoản 1 Điều 365, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Thái N 06 (sáu) tháng tù** về tội “Môi giới hối lộ”. Thời điểm chấp hành hình phạt tù tính kể từ ngày bị cáo chấp hành án, khấu trừ thời gian bị tạm giam từ ngày 13/7/2024 đến ngày 10/10/2024.

4. Về án phí: Áp dụng Điều 135, Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, Điều 23 Nghị Q 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Các bị cáo Trần Thanh L và Nguyễn Thái N mỗi bị cáo phải nộp án phí hình sự phúc thẩm 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng).

5. Các Q định khác của Bản án sơ thẩm số 01/2025/HS-ST ngày 07 tháng 01 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh K không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị./.

Nơi nhận:

- Vụ giám đốc kiểm tra 1 (1);
- VKSND Cấp cao tại Tp. HCM (1);
- TAND Cấp cao tại Tp.HCM (1);
- VKSND tỉnh KG (1);
- Sở Tư pháp tỉnh KG (1);
- Phòng hồ sơ nghiệp vụ CA tỉnh KG (1);
- Bị cáo (1);
- Cơ quan điều tra TP. Hà Tiên (1)
- VKS TP. Hà Tiên (1)
- Tòa án TP. Hà Tiên (1)
- Thi hành án hình sự TP. Hà Tiên (1)
- Chi cục thi hành án dân sự TP. Hà Tiên (1)
- Tổ hành chính tư pháp (1);
- Đương sự (2)
- Lưu hồ sơ (1);
- Lưu tòa hình sự (5).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Ngọc Hồng